TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 309/2019/DS-PT Ngày: 04 - 11 - 2019	
V/v tranh chấp "Xác định tài sản chung của vợ chồng để thi hành án và Hủy hợp đồng thỏa thuận"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Song Bình

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Hiệp

Ông Nguyễn Thanh Triều

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Hương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2019/TLPT-DS ngày 03 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp "Xác định tài sản chung của vợ chồng để thi hành án và Hủy hợp đồng thỏa thuận".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2019/DS-ST ngày 19/3/2019, của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 238/2019/QĐ-PT ngày 08 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Cù Hiếu P, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: số N, A, khu phố B, phường N, Tp.M, Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Trọng K, sinh năm 1978

Địa chỉ: số B, P, phường B, Tp.M, Tiền Giang.

(Là đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 494 quyển số 01TP/CC/HĐGD ngày 31/8/2016) (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Phan Thị Thu H sinh năm: 1960

Địa chỉ: số B, H, phường B, Tp.M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1974

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Là đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 6721 quyển số 01/2019TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/4/2019) (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: Ấp H, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Đức N - Phó Chi cục trưởng Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố M (có đơn xin vắng mặt).

(Theo Giấy ủy quyền số 6224/GUQ-CCTHA ngày 07/12/2017).

2. Ông Nguyễn Phi V, sinh năm: 1962 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: số B, H, phường B, Tp.M, tỉnh Tiền Giang.

3. Văn phòng Công chứng C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: số H, Ô H, khu H, thị trấn C, huyện C, Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Bà Võ Thị T - Chức vụ: Trưởng Văn phòng (có đơn xin vắng mặt).

4. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Địa chỉ: số H T, quận H, TP.Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hoàng Anh T - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Tiền Giang (Theo văn bản ủy quyền ngày 22/8/2019) (có mặt).

Địa chỉ: số M, N, phường B, Tp.M, Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* bị đơn Phan Thị Thu H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo bản án sơ thẩm, ông Võ Trọng K - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Cù Hiếu P trình bày:

Theo Bản án số 114/2015/DSST ngày 25/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố M và Bản án số 133/2016/DSPT ngày 14/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang quyết định buộc bà Phan Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho bà Cù Hiếu P tiền vốn và lãi là 510.720.000 đồng. Trong quá trình thi hành án, bà H không thực hiện theo quyết định thi hành án mà ngày 31/12/2011 bà H có hợp đồng thỏa thuận tại Văn phòng Công chứng C giao cho ông Nguyễn Phi V toàn quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích 3.291m^2 thửa đất số 251, 359 tờ bản đồ số M, tọa lạc tại ấp B, xã T, thành phố M do bà H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay bà Cù Hiếu P yêu cầu tuyên bố hợp đồng thỏa thuận ngày 31/12/2011 giữa Phan Thị Thu H và ông Nguyễn Phi V được Văn phòng Công chứng C

chứng nhận ngày 31/12/2011 công chứng số 320, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD là vô hiệu và yêu cầu xác định bà H là người có quyền quản lý sử dụng ½ đối với quyền sử dụng đất diện tích 3.291m^2 thửa đất số 251, 359 tờ bản đồ số M và căn nhà tọa lạc tại ấp B, xã T, thành phố M.

* Ông Nguyễn Hoàng A - đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phan Thị Thu H trình bày.

Bà H không đồng ý với yêu cầu của bà P. Do bà H đã có hợp đồng thỏa thuận vào năm 2011 giao ông Nguyễn Phi V toàn quyền định đoạt quản lý sử dụng phần đất diện tích 3.291m^2 thửa đất số 251, 359, tờ bản đồ số M, tọa lạc tại ấp B, xã T, thành phố M do bà H đứng tên, giao cho ông Nguyễn Phi V nghĩa vụ thanh toán nợ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Tiền Giang số tiền 600.000.000 đồng, nhưng do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Tiền Giang nên chưa sang tên cho ông V đứng tên. Bà H đồng ý trả nợ cho bà P theo khả năng của bà.

* Anh Võ Đức N - đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang trình bày:

Quá trình thi hành án, qua xác minh bà H còn đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.291m^2 thửa đất số 251, 359 tờ bản đồ số M tọa lạc tại ấp B, xã T, thành phố M, chưa có quyết định kê biên nên chưa có quyết định cưỡng chế vì giữa bà H và ông Phi V có hợp đồng thỏa thuận ngày 31/12/2011 bà H giao cho ông V toàn quyền sử dụng phần đất nên bà P yêu cầu Hủy hợp đồng thỏa thuận ngày 31/12/2011 và yêu cầu xác định tài sản chung của vợ chồng bà H là người có quyền quản lý sử dụng ½ đối với quyền sử dụng đất diện tích 3.291m^2 thửa đất số 251, 359, tờ bản đồ số 1 và căn nhà tọa lạc tại ấp B, xã T, thành phố M để thuận lợi cho việc thi hành án. Qua yêu cầu của bà P, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M đồng ý.

* Bà Võ Thị T – đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng C trình bày:

Ngày 27/12/2011, ông Nguyễn Phi V và vợ là bà Phan Thị Thu H có đến Văn phòng Công chứng C yêu cầu lập hợp đồng công chứng việc thỏa thuận tài sản chung vợ chồng (giao cho ông Nguyễn Phi V có nghĩa vụ trả nợ cho N hàng) và toàn quyền định đoạt sử dụng đất thửa đất số 251 và 359, tờ bản đồ số 1, tổng diện tích 3.291m^2 (đo thực tế 3.237m^2), tọa lạc tại ấp B, xã T, TP.M, Tiền Giang. Nhưng do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông V đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Tiền Giang để vay số tiền 600.000.000 đồng. Văn phòng Công chứng C cần có giấy tờ để công chứng nên ngày 29/12/2011, Công chứng viên Võ Thị T đi cùng ông V, bà H đến Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Tiền Giang mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đối chiếu, công chứng văn bản thỏa thuận từ bà H sang ông V quyền quản lý, sử dụng phần đất. Văn phòng Công chứng C đối chiếu bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp Ngân hàng xong nên đến ngày 31/12/2011, Văn phòng Công chứng C soạn thảo và công

chứng Hợp đồng thỏa thuận giữa ông Nguyễn Phi V và bà Phan Thị Thu H, văn bản công chứng số 320, quyển số 1 TP/CC-SCC/HĐGD.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phi V trình bày:

Ngày 31/12/2011, tại Văn phòng công chứng C, tỉnh Tiền Giang, ông và bà H đã ký hợp đồng thỏa thuận với nội dung: Bà Phan Thị Thu H đồng ý giao toàn bộ số diện tích đất còn lại 3.291m^2 loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp B, xã T, thành phố M, Tiền Giang cho ông toàn quyền sở hữu và định đoạt theo quy định của pháp luật bà Phan Thị Thu H không có quyền sử dụng, định đoạt, sử dụng phần đất nêu trên và không có hành vi khiếu nại nào về phần đất trên kể từ ngày hôm nay. Và ông Nguyễn Phi V phải có nghĩa vụ hoàn trả số nợ vay vốn 600.000.000 đồng cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Tiền Giang theo hợp đồng thế chấp số 11.001-1CT/HĐTC ngày 27/01/2011". Hợp đồng thỏa thuận trên được công chứng hợp pháp. Từ thời điểm Hợp đồng thỏa thuận được công chứng, diện tích 3,291m^2 thuộc quyền sử dụng của cá nhân ông, bà H không còn quyền, nghĩa vụ liên quan đến thửa đất. Do đó ông không đồng ý với yêu cầu của bà Cù Hiếu P.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Tiền Giang:

Đã được Tòa án nhân dân Tp M tống đạt triệu tập hợp lệ các văn bản theo quy định của pháp luật, nhưng Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Tiền Giang không đến tham gia các phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và cũng không cung cấp trình bày ý kiến cho Tòa án xem xét.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2019/DS-ST ngày 19/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng khoản 11, 12 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 217, Điều 218 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 29 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959; Điều 126, Điều 127, Điều 349 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Xử: 1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cù Hiếu P.

- Tuyên bố Hợp đồng thỏa thuận giữa bà Phan Thị Thu H và ông Nguyễn Phi V ngày 31/12/2011, Văn phòng Công chứng C chứng thực 320 quyển số 01-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/12/2011 là vô hiệu.

- Xác định tài sản chung của bà Phan Thị Thu H và anh Nguyễn Phi V là phần đất thửa số 251, 359 tờ bản đồ số 1 diện tích đo đạc thực tế 3.218,5 m^2 loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03179 QSDĐ/UB ngày 19/02/1998 do UBND thành phố M cấp cho bà Phan Thị Thu H đứng tên (kèm theo sơ đồ đất) có tứ cận như sau:

+ Phía Bắc giáp Trần Thị H.

+ Phía Tây giáp Đoàn Văn T.

+ Phía Đông giáp đường huyện C nhựa.

+ Phía Nam giáp đường B nhựa.

- Xác định tài sản thuộc quyền sử dụng đất của bà Phan Thị Thu H là ½ diện tích đất đo đạc thực tế là 3.218,5 m^2 thửa số 251, 359 tờ bản đố số 1, loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03179/ QSDĐ/UB ngày 19/02/1998 do UBND thành phố M cấp cho bà Phan Thị Thu H đứng tên.

Các bên thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cù Hiếu P về việc yêu cầu xác định ½ quyền sỡ hữu căn nhà cất trên diện tích đo đạc thực tế 3.218,5m^2 loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ 03179 QSDĐ/UB ngày 19/02/1998 do UBND thành phố M cấp cho bà Phan Thị Thu H đứng tên.

Bà Cù Hiếu P có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Phan Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Cù Hiếu P 300.000 đồng, bà Phương đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011784 ngày 21/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4/ Về chi phí tố tụng: Áp dụng Điều 103; Điều 107 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà Phan Thị Thu H phải chịu 6.945.000 đồng chi phí đo đạc, định giá thẩm định.

Hoàn lại cho bà Cù Hiếu P số tiền 6.945.000 đồng, bà đã tạm ứng các khoản chi phí đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ (Thu khoản tiền 6.945.000 đồng của bà H phải chịu).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 16/4/2019, bị đơn Phan Thị Thu H có đơn kháng cáo yêu cầu sửa hoặc hủy bản án sơ thẩm.

* Ngày 16/4/2019 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng C, tỉnh Tiền Giang có đơn kháng cáo yêu cầu sửa hoặc hủy bản án sơ thẩm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Hoàng A là đại diện ủy quyền của bị đơn Phan Thị Thu H trình bày việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hợp đồng thỏa thuận ngày 31/12/2011 giữa bà Phan Thị Thu H và ông Nguyễn Phi V vô hiệu là chưa phù hợp, bởi lẻ về nội dung thỏa thuận bà H giao cho ông Vũ toàn quyền quản lý hai thửa đất 359 và 251, ông V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng khoản

tiền đã vay là 600.000.000đ, sau khi thỏa thuận ông V đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, việc phân chia tài sản chung của vợ chồng theo hợp đồng thỏa thuận như trên đã hoàn thành, Hợp đồng thỏa thuận trên đã có hiệu lực kể từ ngày được công chứng có hiệu lực là ngày 31/12/2011 đến ngày 21/11/2017 Tòa án cấp sơ thẩm mới thụ lý giải quyết thì thời hiệu yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu đã hết, đồng thời nghĩa vụ trả nợ của bà H cho bà Cù Hiếu P được thực hiện theo bản án phúc thẩm số 133/2016/DSPT của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang vào ngày 14/3/2016 nên việc lập hợp đồng thỏa thuận giữa bà H và ông V vào ngày 31/12/2011 không thể xem là hành vi tẩu tán tài sản, do đó kháng cáo của bà H là có căn cứ đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cù Hiếu P.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Võ Thị T là đại diện hợp pháp của Văn phòng công chứng C, tỉnh Tiền Giang có đơn xin vắng mặt đề ngày 29/7/2019 và có ý kiến trong đơn là giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bởi lẽ ngày 29/12/2011 bà có đến Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - chi nhánh tỉnh Tiền Giang đối chiếu bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà Cù Hiếu Phương không có tư cách khởi kiện, thời hiệu khởi kiện đã hết theo quy định tại Điều 427 Bộ luật dân sự năm 2015.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Võ Trọng K là đại diện ủy quyền của nguyên đơn Cù Hiếu P cho rằng bà Phan Thị Thu H phát sinh nghĩa vụ trả nợ cho bà P từ năm 2009, do vụ việc trên lúc đầu được xem xét trong vụ án hình sự sau đó được tách ra để khởi kiện dân sự nên đến năm 2016 mới có bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật xác định bà H phải trả cho bà Phương số tiền 510.720.000đ do bà H không thực hiện quyết định thi hành án mà trước đó vào năm 2011 lại có hợp đồng thỏa thuận với ông V giao hai thửa đất nêu trên cho ông V toàn quyền quản lý và định đoạt là nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, mặc khác hợp đồng thỏa thuận ngày 31/12/2011 giữa bà H và ông V thỏa thuận giao hai thửa đất nêu trên cho ông V toàn quyền quản lý, định đoạt là trái pháp luật vì khi ký hợp đồng này hai thửa đất trên thế chấp tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - chi nhánh tỉnh Tiền Giang, bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang do Ngân hàng giữ việc công chứng thỏa thuận tài sản là quyền sử dụng đất nêu trên không có bản chính là vi phạm Luật công chứng, đồng thời việc công chứng nêu trên không có ý kiến chấp nhận của Ngân hàng là bên nhận thế chấp nên hợp đồng thỏa thuận trên là vô hiệu, xác định hai thửa đất trên là tài sản chung của vợ chồng bà H và ông V, nên xác định bà H có quyền sử dụng là ½ diện tích hai thửa đất trên là có căn cứ, do đó yêu cầu kháng cáo của bà H và Văn phòng công chứng C là không có căn cứ, nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- chi nhánh tỉnh Tiền Giang trình bày vào ngày 29/12/2011 Ngân hàng không có xuất kho giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phan Thị Thu H mượn, việc thỏa thuận phân chia các phần đất đang thế chấp theo hợp đồng thỏa

thuận ngày 31/12/2011 giữa bà H và ông V, Ngân hàng không biết và không có văn bản đồng ý thỏa thuận này.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Khi chứng thực Hợp đồng thỏa thuận ngày 31/12/2011, bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang do Ngân hàng giữ việc công chứng thỏa thuận tài sản là quyền sử dụng đất nêu trên không có bản chính là vi phạm Luật công chứng, đồng thời việc công chứng nêu trên không có ý kiến chấp nhận của Ngân hàng là bên nhận thế chấp là không đúng quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phương là có căn cứ. Xét thấy kháng cáo của bà H và Văn phòng công chứng C là không có cơ sở, nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Văn phòng công chứng C, tỉnh Tiền Giang, Chi cục thi hành dân sự thành phố M, ông Nguyễn Phi V có đơn xin vắng mặt, nên căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định mối quan hệ tranh chấp trong vụ án là yêu cầu "Xác định tài sản chung của vợ chồng để thi hành án và hủy hợp đồng thỏa thuận" là có căn cứ, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định của của Bộ luật dân sự và Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Phan Thị Thu H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng C, tỉnh Tiền Giang xét thấy:

Căn cứ bản án phúc thẩm số 133/2016/DSPT ngày 14/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang quyết định buộc bà Phan Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho bà Cù Hiếu P tiền vốn và lãi là 510.720.000 đồng. Trong quá trình thi hành án, bà H không thực hiện theo quyết định thi hành án về việc trả số tiền trên cho bà Phương. Trước đó vào ngày 31/12/2011 giữa bà Phan Thị Thu H và chồng là ông Nguyễn Phi V đến Văn phòng công chứng C, tỉnh Tiền Giang chứng thực Hợp đồng thỏa thuận về tài sản chung của vợ chồng.

Xét thấy hợp đồng thỏa thuận giữa bà Phan Thị Thu H và ông Nguyễn Phi V nêu trên đã được công chứng chứng thực số 320 quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/12/2011 tại Văn phòng công chứng C với nội dung thỏa thuận giao ông Nguyễn Phi V toàn quyền định đoạt quản lý sử dụng phần đất diện tích 3.291m^2 thửa đất số 251, 359, tờ bản đồ số M, tọa lạc tại ấp B, xã T, thành phố M do bà Hồng đứng tên giấy đất, giao cho ông Nguyễn Phi V nghĩa vụ thanh toán nợ

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Tiền Giang số tiền 600.000.000 đồng; trước thời điểm công chứng hợp đồng trên vào ngày 27/01/2011 bà H và ông V có ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số 11.001CT/HĐTC ngày 27/01/2011 tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – chi nhánh tỉnh Tiền Giang thế chấp diện tích 3.291m^2 thửa đất số 251, 359, tờ bản đồ số M, tọa lạc tại ấp B, xã T, thành phố M để đảm bảo vay số tiền 600.000.000đ của Hợp đồng tín dụng số 11.001CT/HĐTC ngày 27/01/2011 do ông Vũ vay.

Như vậy tại thời điểm công chứng hợp đồng thỏa thuận ngày 31/12/2011 giữa bà H và ông V thì hai thửa đất mà bà H và ông V thỏa thuận phân chia giao cho ông V toàn quyền định đoạt quản lý đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Tiền Giang và Ngân hàng đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất nêu trên.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 349 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về quyền của bên thế chấp tài sản: "Được bán, trao đổi, tặng cho tài sản thế chấp không phải là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh, nếu được bên nhận thế chấp đồng ý".

Căn cứ công văn số 55/CNTC ngày 29/12/2011 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Tiền Giang xác định với nội dung là: "Ngày 29/12/2011 Ngân hàng không xuất kho tài sản thế chấp của bà Phan Thị Thu H để cho mượn" và tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Ngân hàng xác định ngày 29/12/2011 không xuất kho tài sản thế chấp của bà H cho mượn và Ngân hàng không biết việc bà H và ông V thỏa thuận phân chia tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng theo hợp đồng thỏa thuận ngày 31/12/2011; đồng thời tài liệu trong hồ sơ cũng không thể hiện việc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Tiền Giang đồng ý cho ông Vũ, bà H thỏa thuận phân chia tài sản như nội dung hợp đồng thỏa thuận ngày 31/12/2011. Do đó Hợp đồng thỏa thuận ngày 31/12/2011 là vi phạm khoản 4 Điều 349 Bộ luật dân sự 2005 nên vô hiệu theo quy định tại Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03179/QSDĐ/UB do Ủy ban nhân dân Tp M cấp ngày 19/02/1998, phần đất trên thuộc thửa số 251, 359, tờ bản đồ số 1, loại đất trồng cây lâu năm cấp cho bà Phan Thị Thu H đứng tên diện tích đo đạc thực tế là 3.218,5m^2 có nguồn gốc do bà H, ông V tạo lập, theo giấy công nhận kết hôn số 27 ngày 25/12/1984 thể hiện bà H và ông V kết hôn năm 1984, như vậy các thửa đất 251, 359 tờ bản đồ số 01, diện tích đo đạc thực tế 3.218,5m^2 được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, căn cứ Điều 29 Luật hôn nhân gia đình năm 1959 xác định đây là tài sản chung của ông V, bà H; do đó bà H được quyền sủ dụng đối với ½ phần đất diện tích 3.218,5m^2 nêu trên.

Do đó bà Cù Hiếu P yêu cầu tuyên bố hợp đồng thỏa thuận ngày 31/12/2011 giữa Phan Thị Thu H và ông Nguyễn Phi V được Văn phòng Công chứng C chứng nhận ngày 31/12/2011 công chứng số 320, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD là vô hiệu và yêu cầu xác định bà H là người có quyền quản lý sử dụng ½ đối với quyền sử dụng đất diện tích 3.291m^2 thửa đất số 251, 359 tờ bản

đồ số M, tọa lạc tại ấp B, xã T, thành phố M là có căn cứ phù hợp pháp luật, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Về chi phí đo đạc, định giá 6.945.000đ bà Cù Hiếu P đã tạm ứng tổng cộng là 6.945.000đ để tiến hành định giá, thẩm định tại chỗ, đo đạc. Nay bà P yêu cầu buộc bà H chịu chi phí nêu trên là phù hợp với các Điều 157, 158, 165, 166 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bà H hoàn lại chi phí trên cho bà P là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Phan Thị Thu H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Văn phòng công chứng C, tỉnh Tiền Giang, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn Phan Thị Thu H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng C, tỉnh Tiền Giang không được chấp nhận nên bị đơn Phan Thị Thu H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng C, tỉnh Tiền Giang phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 01 Điều 148, Điều 157, 158, 165, 166, 296, 217, 218 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 29 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959; Điều 126, Điều 127, Điều 349 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Phan Thị Thu H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng C, tỉnh Tiền Giang.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2019/DS-ST ngày 19/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cù Hiếu P.

- Tuyên bố Hợp đồng thỏa thuận giữa bà Phan Thị Thu H và ông Nguyễn Phi V ngày 31/12/2011, Văn phòng Công chứng C chứng thực 320 quyển số 01-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/12/2011 là vô hiệu.

- Xác định tài sản chung của bà Phan Thị Thu H và anh Nguyễn Phi V là phần đất thửa số 251, 359 tờ bản đồ số 1 diện tích đo đạc thực tế 3.218,5 m^2 loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03179 QSDĐ/UB ngày 19/02/1998 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho bà Phan Thị Thu H đứng tên(kèm theo sơ đồ đất) có tứ cận như sau:

+ Phía Bắc giáp Trần Thị H.

+ Phía Tây giáp Đoàn Văn T.

+ Phía Đông giáp đường huyện C nhựa.

+ Phía Nam giáp đường B nhựa.

- Xác định tài sản thuộc quyền sử dụng đất của bà Phan Thị Thu H là ½ diện tích đất đo đạc thực tế là 3.218,5 m^2 thửa số 251, 359 tờ bản đố số 1, loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03179/ QSDĐ/UB ngày 19/02/1998 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho bà Phan Thị Thu H đứng tên.

Các bên thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cù Hiếu P về việc yêu cầu xác định ½ quyền sỡ hữu căn nhà cất trên diện tích đo đạc thực tế 3.218,5m^2 loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ 03179 QSDĐ/UB ngày 19/02/1998 do Uỷ ban nhân dân thành phố M cấp cho bà Phan Thị Thu H đứng tên.

Bà Cù Hiếu P có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng:

Bà Phan Thị Thu H phải chịu 6.945.000 đồng chi phí đo đạc, định giá thẩm định.

Hoàn lại cho bà Cù Hiếu P số tiền 6.945.000 đồng, bà đã tạm ứng các khoản chi phí đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ (Thu khoản tiền 6.945.000 đồng của bà H phải chịu).

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phan Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Cù Hiếu P 300.000 đồng, mà bà P đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011784 ngày 21/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Phan Thị Thu H có nghĩa vụ phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu

số 0014146 ngày 22/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang, nên xem như đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Văn phòng Công chứng C, tỉnh Tiền Giang có nghĩa vụ phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014181 ngày 26/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang, nên xem như đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND Tp.M;
- THADS Tp.M;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ vụ án.

DSPT-2019-H

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Song Bình